

2.4

Tỷ lệ phụ nữ 15-49 tuổi hiện đang có chồng, đang sử dụng biện pháp tránh thai chia theo biện pháp đang sử dụng, 2003-2013

Contraceptive use of currently married women aged 15-49 by method, 2003-2013

Đơn vị tính - Unit: %

Biện pháp tránh thai Method	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2010	2011	2012	2013
Toàn quốc - Whole country	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Viên uống tránh thai - Pill	11,4	11,9	12,5	13,2	13,2	13,2	15,5	15,7	16,7	17,6
Vòng tránh thai - IUD	57,0	55,9	55,3	55,4	55,3	55,8	52,1	53,1	51,9	49,6
Thuốc tiêm tránh thai - Injactable	0,9	1,1	1,1	1,0	1,1	1,1	1,8	1,7	1,8	2,0
Màng ngăn/kem/ viên sủi bọt - Jelly/ cream/foam	0,1	0,4	0,3	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,0
Bao cao su - Condom	7,5	9,3	9,7	10,1	10,5	10,9	13,1	13,6	13,7	14,7
Đình sản nữ - Female sterilization	6,9	6,6	6,2	5,8	5,6	5,0	3,8	3,3	3,0	2,8
Đình sản nam - Male sterilization	0,5	0,4	0,4	0,4	0,4	0,3	0,3	0,2	0,2	0,2
Vòng kinh/xuất tinh ngoài - Rhythm / withdrawal	14,2	13,8	13,6	13,2	13,2	13,2	13,1	13,1	12,5	13,0
Biện pháp khác - Others	1,4	0,8	0,8	0,7	0,4	0,2	0,3	0,2	0,2	0,2

Nguồn: TCTK, Điều tra biến động dân số và KHHGD 1/4 năm 2003-2013.

Source: GSO, Population change and family planning survey 1/4 period 2003-2013.